

ÁP DỤNG MÔ HÌNH GIẢNG DẠY HỌC TẬP KẾT HỢP CHO CHƯƠNG TRÌNH IELTS CƠ BẢN

DƯƠNG THỊ HỒNG THẨM *

Tóm tắt: Với mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy chương trình IELTS cơ bản, bài viết thực hiện khảo sát tính hiệu quả của mô hình học tập kết hợp trong việc cải thiện kết quả học tập bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cho sinh viên năm thứ nhất theo chương trình đào tạo chất lượng cao Trường Đại học Thương Mại. Nghiên cứu thực nghiệm trên hai lớp, một lớp đối chứng được học theo phương pháp giảng dạy truyền thống trên lớp và một lớp thử nghiệm được học kết hợp trên lớp và học trực tuyến. Phiếu điều tra, khảo sát, phỏng vấn và bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng phương pháp được sử dụng để đánh giá hiệu quả của việc áp dụng mô hình giảng dạy học tập kết hợp đối với học phần IELTS cơ bản. Kết quả điều tra cho thấy mô hình giảng dạy học tập này đã giúp cải thiện kết quả học tập cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết của sinh viên.

Từ khóa: Mô hình giảng dạy học tập kết hợp, IELTS cơ bản, thử nghiệm, sinh viên năm nhất, Trường Đại học Thương mại.

Abstract: With the aim to improve the quality of teaching basic IELTS, the article carried out to evaluate the effectiveness of blended learning model in boosting the study results in all four skills namely listening, speaking, reading, and writing for freshmen of high-quality program at Thuongmai University. The experimental research was conducted in two classes: one with traditional teaching methods and the other with the combination of online and traditional methods. Questionnaire, survey, interview as well as pre- and post-tests were applied to evaluate the effectiveness

of this model for the basic IELTS module. The findings show that the blended learning model helped improve all four skills of students.

Keywords: Blended learning model, basic IELTS, experimental research, freshmen, Thuongmai University.

1. Dẫn nhập

Khi xã hội phát triển, cùng với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, hay còn gọi là cuộc cách mạng số, việc cải cách và đổi mới các phương pháp giáo dục trở thành tất yếu. Để đáp ứng với xu hướng số hóa, các cơ sở đào tạo và đặc biệt là các trường đại học phải nhanh chóng đổi mới chương trình, đổi mới các mô hình dạy học (về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp giảng dạy - học tập, phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả đầu vào - đầu ra,...) để đào tạo người lao động nói chung và cho thế hệ giảng viên trong thế kỷ XXI nói riêng không những về mặt chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp mà còn đào tạo giảng viên cả về mặt công nghệ thông tin và truyền thông. Một số phương pháp cải tiến được áp dụng nhằm tăng cường tính chủ động của người học như lấy người học làm trung tâm, kết hợp việc sử dụng công nghệ thông tin như bảng

* ThS - Khoa Tiếng Anh, Đại học Thương Mại; Email: thamduong31@tmu.edu.vn

điện tử, máy chiếu trong giảng dạy. Những năm gần đây, cùng với sự bùng nổ về công nghệ thông tin, phương pháp đổi mới nổi bật có thể kể đến là học trực tuyến qua mạng Internet với nhiều ưu điểm so với phương pháp truyền thống. Tuy nhiên, việc học trực tuyến thường chỉ dừng lại ở mức cung cấp thông tin, tài liệu cho người học là chủ yếu, chưa có sự kết hợp rõ ràng giữa phương pháp truyền thống và trực tuyến qua mạng.

Trước sự phát triển và yêu cầu của xã hội, ngày 22.04.2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT về việc quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng, trong đó đã đề cập đến phương thức giảng dạy học tập kết hợp (blended learning) nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy và chất lượng giáo dục.

Hơn nữa, ngày nay việc dạy và học ngoại ngữ không chỉ là việc trang bị cho học sinh những kiến thức ngữ pháp chắc chắn mà còn tạo cho học sinh khả năng nghe, nói, đọc, và viết tốt. Trường Đại học Thương mại đã đưa học phần IELTS cơ bản vào chương trình đào tạo sinh viên hệ chất lượng cao. Nhằm đáp ứng chất lượng đào tạo, chúng tôi thử áp dụng mô hình giảng dạy học tập kết hợp và từ đó có những đánh giá cụ thể với phương pháp này.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm công cụ

2.1.1. Học trực tuyến

Học trực tuyến (E-learning) là hình thức học tập dưới sự trợ giúp của công nghệ thông tin và truyền thông với các hình thức hỗ trợ học tập như: sự kết hợp giữa dạy học truyền thống với học tập trực tuyến cho đến các hoạt động học tập hoàn toàn trực tuyến.

Học trực tuyến là hình thức học tập thông qua mạng máy tính, CD-ROM, truyền hình

tương tác hay đài truyền dẫn vệ tinh.

2.1.2. Học tập kết hợp

2.1.2.1. Định nghĩa

“Học tập kết hợp” (blended learning - BL) là phương pháp học hòa trộn giữa cách học truyền thống trên lớp và cách học hiện đại trực tuyến. Có nhiều định nghĩa khác nhau về học tập kết hợp:

(1) BL: là “Sự kết hợp của các phương tiện truyền thông trong đào tạo như công nghệ, các hoạt động và các loại sự kiện nhằm tạo ra một chương trình đào tạo tối ưu cho một đối tượng cụ thể” [4].

(2) BL: để chỉ các mô hình học kết hợp giữa hình thức lớp học truyền thống và các giải pháp học trực tuyến [9].

Mô hình học tập kết hợp có thể được mô tả như sau:



Hình 1. Sơ đồ mô hình học tập kết hợp

Trong mô hình này, người học tham gia vào quá trình học tập bằng hình thức học giáp mặt (face-to-face) trên lớp (học nhóm, học cá nhân, dự hội nghị, dự hội thảo); hình thức học hợp tác qua mạng Internet (chat, blog, online, forum) và tự học (trực tuyến - ngoại tuyến, độc lập về không gian).

Từ những cách định nghĩa trên, có thể hiểu một cách đơn giản: giảng dạy học tập kết hợp là sự phối hợp nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức giảng dạy - học tập giữa các hình thức học khác nhau nhằm tối ưu hóa thế mạnh mỗi hình thức, đảm

bảo hiệu quả giáo dục đạt được là cao nhất.

2.1.2.2. Các xu thế thiết kế học tập kết hợp

Nhóm tác giả Ali Alammery (2014) [3] và cộng sự cho thấy có 03 xu thế thiết kế BL:

- Kết hợp ở mức độ thấp: bổ sung một số các hoạt động theo dạng thức kết hợp đối với khóa học có sẵn ở dạng truyền thống (học giáp mặt).

- Kết hợp ở mức độ vừa: thay thế một số các hoạt động trong khóa học có sẵn ở dạng truyền thống (học giáp mặt) bằng dạng thức kết hợp.

- Kết hợp ở mức độ cao: thiết kế lại toàn bộ khóa học theo dạng thức kết hợp.

Hai dạng kết hợp đầu tiên có thể xem như dựa trên nền tảng của hình thức dạy học truyền thống (học giáp mặt) có bổ sung hoặc thay thế một số hoạt động học tập ở dạng trực tuyến.

Kết hợp ở mức độ thấp thuận lợi với người dạy chưa tự tin hoặc mới làm quen với việc sử dụng các công cụ công nghệ dạy học và hỗ trợ dạy học trực tuyến, cũng như mới làm quen với việc thiết kế các bài học, khóa học ở dạng kết hợp. Dựa trên nền tảng của các bài học có sẵn, không cần thiết phải thay đổi phương pháp giảng dạy, người dạy có thể bổ sung một số các hoạt động dạy học ở dạng trực tuyến, ví dụ yêu cầu người học (sinh viên) ngoài các hoạt động thường kỳ phải nộp bài, thảo luận qua mạng,... Người dạy có thể sử dụng một số công cụ ở dạng WebQuest, Wiki, hay mạng xã hội như Facebook để thực hiện được các hoạt động. Tương tự, đối với người học cũng không yêu cầu cao về mức độ sử dụng công nghệ. Người học thực hiện nhiệm vụ như trả lời một số câu hỏi, viết tóm tắt hay thu hoạch,... để đảm bảo rằng người học có thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tương tự như dạng thức kết hợp ở mức

độ thấp, dạng thức kết hợp ở mức độ vừa cũng đặt ra một áp lực nhất định đối với người dạy và người học. Đối với người dạy, cần lựa chọn và phân bổ hoạt động phù hợp với hoạt động dạng học giáp mặt cũng như học trực tuyến. Người dạy cũng cần có những đánh giá, phản hồi kịp thời với các hoạt động tương ứng của người học, đồng thời với việc trợ giúp kỹ thuật đối với người học khi cần thiết, ngoài việc trợ giúp, hướng dẫn về mặt chuyên môn. Do đó, người dạy phải có sự tự tin và thông thạo với các công cụ, công nghệ dạy học nhất định; người dạy cũng cần đầu tư thời gian nhiều hơn ban đầu khi thiết kế các hoạt động phù hợp để tổ chức dạy học trực tuyến thay vì giáp mặt. Tuy nhiên, thời gian và khối lượng công việc trên lớp sẽ giảm bớt khi đã chuyển đổi thành công một số hoạt động ở dạng trực tiếp, giáp mặt trên lớp thành hoạt động tự học, trực tuyến của người học, qua đó nâng cao khả năng tự học của người học.

Dạng thức kết hợp ở mức độ cao đặt ra yêu cầu cao nhất đối với người dạy khi thiết kế khóa học. Người dạy thiết kế khóa học hoàn toàn mới, thay vì điều chỉnh khóa học dựa trên nội dung và tiến trình dạy học truyền thống. Để thiết kế khóa học và dạy học ở dạng thức này, người dạy phải có hiểu biết cao về các công cụ, công nghệ để thiết kế bài dạy, khóa học và kiểm tra đánh giá ở dạng thức kết hợp và trực tuyến. Người dạy cần có những kiến thức về lý thuyết và trải nghiệm về dạy học kết hợp để thiết kế bài học và khóa học. Tìm hiểu không ngừng về những công cụ, công nghệ và phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học mới sẽ giúp người dạy có nền tảng để thiết kế khóa học sinh động, hấp dẫn và hiệu quả. Việc thiết kế và xây dựng khóa học kiểu này có thể mất thời gian gấp từ 2 tới 3 lần so với thiết kế một khóa học theo dạng

thức truyền thống.

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.2.1. Ngoài nước

Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về áp dụng mô hình học tập kết hợp vào giảng dạy tiếng Anh theo mục đích nghề nghiệp và giảng dạy các kỹ năng riêng biệt.

Trong bài nghiên cứu *The Impact of Blended Learning on Teaching English for Vocational Purposes (Tác động của học tập kết hợp đối với việc giảng dạy tiếng Anh vì mục đích nghề nghiệp)*, Elzbieta Danuta Lesiak-Bielawska [8] đã làm thử nghiệm đánh giá những ảnh hưởng của mô hình học tập kết hợp lên quá trình giảng dạy tiếng Anh vì các mục đích nghề nghiệp. Nghiên cứu áp dụng phép đặc tam giác kiểm tra chéo (triangulation) và kết quả thu được cho thấy có sự tiến bộ đáng kể và có sự khác biệt lớn giữa điểm số của hai bài kiểm tra từ vựng nghề nghiệp trước và sau khi áp dụng mô hình học tập này.

Tương tự như vậy, Sarka Hubackova và các cộng sự (2011) [7] với nghiên cứu *Blended Learning in a foreign language teaching (Học tập kết hợp trong việc giảng dạy ngoại ngữ)* đã cho thấy nhu cầu rất lớn và thái độ tích cực của sinh viên với mô hình thử nghiệm học tập kết hợp trong giảng dạy kỹ năng viết trong lĩnh vực kinh doanh (hợp đồng, báo cáo,...). Kết quả nghiên cứu cho thấy với mô hình học tập này, sinh viên có động lực học viết tốt hơn do được học với nhịp độ phù hợp với trình độ mỗi người và được phản hồi nhanh chóng từ giáo viên.

Gede Ginaya (2018) [5] đã thực hiện nghiên cứu 51 sinh viên năm thứ ba (27 nam và 24 nữ) đăng ký học chương trình cử nhân ba năm ngành Du lịch và Lữ hành tại một tổ chức giáo dục đại học ở Bali. Kết

quả từ 2 bài kiểm tra trước và sau được dùng để đánh giá sự tiến bộ của sinh viên. Trong khi đó phương pháp thu thập dữ liệu định tính được phân tích dựa trên cả quá trình quan sát và kết quả của bảng hỏi. Kết quả của nghiên cứu cho thấy sinh viên có sự cải thiện đáng kể về động lực học tập khi được áp dụng mô hình học tập kết hợp trên nền tảng ứng dụng WebQuest, do đó kết quả là khả năng nói của họ cũng tốt hơn đáng kể. Tác giả Rachma Vivien Belinda (2018) cũng chỉ ra sự cải thiện đáng kể kỹ năng nói tiếng Anh của 25 sinh viên (19-20 tuổi) có trình độ tiếng Anh tốt trong nghiên cứu *The effect of Blended Learning activity in improving the students' English speaking skill in the context of English as a foreign language (Hiệu quả của hoạt động học tập kết hợp trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của học sinh trong bối cảnh tiếng Anh như một ngoại ngữ)*. Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng WhatsApp Chatting để lập nhóm cho sinh viên thảo luận và nói về bất cứ chủ đề nào, mục đích để sinh viên có thêm môi trường luyện tập kỹ năng nói.

Tóm lại, các nghiên cứu về dạy và học tiếng Anh ở nước ngoài tập trung nghiên cứu về một kỹ năng cụ thể nào đó và đánh giá tính hiệu quả của việc áp dụng mô hình học tập kết hợp trong việc cải thiện kỹ năng đó đối với người học. Theo hiểu biết của tác giả, chưa có một nghiên cứu nào bao quát hết cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết và đặc biệt chưa có đề tài nào nghiên cứu về áp dụng mô hình này trong giảng dạy tiếng Anh định hướng luyện thi chứng chỉ quốc tế Ielts.

2.2.2. Trong nước

Các nghiên cứu về dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp từng bước thâm nhập và trở thành xu hướng quan trọng trong nghiên cứu và ứng dụng của khoa học giáo dục tại

Việt Nam. Có thể kể ra một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về học tập kết hợp trong giảng dạy ngoại ngữ ở Việt Nam như dưới đây.

Trong bài báo khoa học *Blended Learning, mô hình giảng dạy sang tạo được ứng dụng thành công trong việc giảng dạy môn Ngữ âm (Phonetics) tại trường Đại học Văn Lang*, tác giả Nguyễn Đắc Tâm [2] đã nghiên cứu thực nghiệm trên 473 sinh viên của 3 khóa học trong hơn 2 năm. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đánh giá cao mô hình học tập kết hợp vì đã mang lại nhiều lợi ích, hỗ trợ việc phát âm đúng và cải thiện khả năng phát âm tiếng Anh cho rất nhiều sinh viên. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng hỏi, phỏng vấn và chọn mẫu để phân tích.

Tác giả Trần Thị Mai Phương (2018) [1], trong bài báo khoa học *Sử dụng phương pháp học tập tích hợp Blended learning để đào tạo tiếng Anh theo định hướng TOEIC cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội* đã trình bày sự cần thiết của việc đào tạo tiếng Anh theo định hướng TOEIC và những ưu điểm của việc áp dụng phương pháp học tập kết hợp cho sinh viên tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Qua những công trình khoa học đã được công bố trong nước, tác giả nhận thấy các nghiên cứu chỉ tập trung một khía cạnh trong ngôn ngữ như môn Ngữ âm hoặc mới chỉ đưa ra sự cần thiết áp dụng mô hình học tập này để định hướng cho sinh viên thi chứng chỉ TOEIC. Theo hiểu biết của tác giả, chưa có nghiên cứu nào bao quát được hết cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh.

Trong các nghiên cứu trên, chưa có nghiên cứu nào thử áp dụng mô hình học tập kết hợp để nâng cao bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cho học phần IELTS cơ bản,

chính vì thế, bài viết sẽ đi sâu nghiên cứu khoảng trống đó, với đối tượng là sinh viên năm nhất đang theo học hệ chất lượng cao tại Trường Đại học Thương mại.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng kết hợp các công cụ nghiên cứu sau:

- **Điều tra bằng bảng hỏi:** được sử dụng để điều tra quan điểm của sinh viên. Bảng câu hỏi gồm 7 câu hỏi đóng. Câu hỏi 1, 2 tìm hiểu một số thông tin về việc sở hữu các thiết bị điện tử và cơ hội truy cập Internet trên các thiết bị đó phục vụ cho việc học trực tuyến của sinh viên; câu hỏi 3 và 4 yêu cầu sinh viên đánh giá một số lợi ích của mô hình học tập kết hợp với bản thân các em và với tổ chức đào tạo nói chung. Câu hỏi 5 và 6 tìm hiểu nhu cầu áp dụng mô hình và mức độ hài lòng của các em với mô hình thử nghiệm. Câu hỏi 7 nhằm tìm hiểu mức độ tiến bộ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết của các sinh viên. Bảng câu hỏi được phát cho 25 sinh viên của lớp thử nghiệm học phần IELTS cơ bản. 25 phiếu được thu về và xử lý dữ liệu.

- **Phỏng vấn sâu:** được thực hiện với chính 25 sinh viên trong lớp thử nghiệm nhằm giúp tác giả có cái nhìn sâu sắc hơn về hiệu quả của mô hình này đối với sự tiến bộ từng kỹ năng của sinh viên; tìm hiểu những khó khăn, bất cập sinh viên gặp phải trong quá trình học thử nghiệm.

- **Nghiên cứu thực nghiệm:** Việc thí điểm áp dụng mô hình học tập kết hợp đã được tác giả thực hiện đối với lớp K56DD2 học phần IELTS cơ bản trong học kỳ I năm học 2020 - 2021.

Về mô hình áp dụng, tác giả lựa chọn mô hình mặt đối mặt kết hợp (blended face-to-face). Thời lượng học trực tiếp với giảng viên là bắt buộc đối với mô hình này và các

hoạt động học trực tuyến được sử dụng để hỗ trợ kiến thức cho người học. Cụ thể, việc đọc tài liệu, làm bài tập trắc nghiệm và các bài tập đánh giá khác đều được hoàn thành trực tuyến, ở nhà.

Về dạng thức kết hợp, sau khi đánh giá và cân nhắc kỹ, tác giả quyết định áp dụng xu thế thiết kế học kết hợp ở mức độ vừa với sự hỗ trợ của công cụ học tập Google classroom - một ứng dụng hoàn toàn miễn phí do Google xây dựng và phát triển, với mục đích hỗ trợ người dạy dễ dàng trong việc quản lý lớp học, khóa học cũng giúp người học có cơ hội tiếp cận và học tập với một trang web đầy đủ tiện ích. Mỗi lớp học trong Google Classroom sẽ tạo thư mục riêng trong Drive của người dùng tương ứng và mỗi lớp học sẽ có một mã lớp riêng. Người học có thể tham gia lớp học qua mã lớp đó, hoặc giáo viên sẽ thêm bạn vào lớp học qua tài khoản Gmail của bạn.

Về cách thức tổ chức:

Mô hình học tập kết hợp được tổ chức bao gồm:

- Hình thức giảng dạy trên giảng đường với thời gian, nội dung chương trình theo quy định.

- Kết hợp sử dụng các chức năng của dịch vụ web miễn phí Google Classroom.

- + Giảng viên xây dựng lớp học trực tuyến trên công cụ Google Classroom cung cấp hệ thống bài giảng, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra trực tuyến, diễn đàn trao đổi thông tin và một số tiện ích mở rộng khác.

- + Sinh viên tự vào Google Classroom, đăng ký thông tin rồi tham gia lớp học thông qua mã lớp giáo viên cung cấp để đọc tài liệu và làm bài trên ứng dụng.

- + Kết hợp với nội dung bài giảng trên lớp, sinh viên được yêu cầu đọc các học liệu, tài liệu tham khảo, các link video Youtube được cung cấp trên lớp học trực

tuyến; làm bài kiểm tra sau mỗi phần nội dung lý thuyết học trên lớp.

- + Công cụ học tập Google Classroom sẽ tự động chấm bài (trắc nghiệm), thống kê và tổng hợp giúp giáo viên dễ dàng nắm bắt tình hình lớp học. Các dạng bài khác ngoài trắc nghiệm sẽ được giáo viên chấm và có phản hồi riêng cho sinh viên. Với kỹ năng nói, giáo viên sẽ để sinh viên gửi tệp thu âm lên; với kỹ năng viết, sinh viên có hai lựa chọn: một là viết bài trực tiếp vào phần trả lời câu hỏi, hai là các em có thể viết giấy rồi gửi tệp đính kèm hình ảnh bài viết của mình lên. Sau đó, giáo viên sẽ chấm bài, gửi điểm và nhận xét. Trong trường hợp giáo viên không kịp chữa từng bài cho sinh viên, giáo viên có thể chữa trực tiếp trên lớp một số bài để tìm ra lỗi sai đặc trưng của các em và rút kinh nghiệm cho cả lớp.

- + Giảng viên thiết lập và duy trì kênh truyền thông công khai và riêng tư với sinh viên để hỗ trợ, giải đáp thắc mắc và kiểm soát quá trình học tập trên Google Classroom.

- Các bài kiểm tra trước và sau thử nghiệm đều được soạn theo dạng thức IELTS đầu vào và đầu ra của học phần: sinh viên được yêu cầu làm bài kiểm tra trước vào buổi đầu tiên để đánh giá trình độ đầu vào của các em. Bài kiểm tra đầu ra được tiến hành vào tuần cuối cùng của học kỳ 1 năm học 2020 - 2021. Mỗi bài kiểm tra đều gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, với thời gian làm bài tương tự như dạng thức đề thi giữa kỳ và cuối kỳ của học phần IELTS cơ bản. Đề thi được trích dẫn, sưu tầm từ một số sách và một số trang web chuyên các bài kiểm tra IELTS ở band điểm khoảng 4.0 đến 4.5.

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Kết quả khảo sát qua bảng hỏi

Về một số lợi ích của mô hình học tập kết hợp đối với sinh viên, nghiên cứu thu

được kết quả (xem Hình 2):



Hình 2. Lợi ích của mô hình học tập kết hợp đối với sinh viên

Kết quả thống kê ở Hình 2 cho thấy sự đánh giá rất cao của sinh viên đối với mô hình học tập này. Về tổng thể những chức năng của hệ thống học tập kết hợp đều được đánh giá ở mức độ cao. Ba chức năng được đánh giá cao nhất liên quan đến việc dễ dàng xem lại bài giảng, tạo áp lực học tập thường xuyên (đều trên 92%) và nâng cao kết quả học tập (84%). Mô hình học tập này cũng giúp sinh viên có thể học tập mọi lúc, mọi nơi và phát huy cao tính chủ động học tập (76%). Tuy nhiên, sinh viên chưa tận dụng tốt mô hình này để làm kênh trao đổi với giáo viên và các bạn cùng lớp (lần lượt là 60% và 56%). Nguồn tài nguyên tham khảo được sinh viên đánh giá là chưa nhiều về mặt số lượng, điều này hoàn toàn có thể được giải thích do thời gian và nguồn nhân lực còn hạn chế.

2.4.2. Kết quả nghiên cứu qua phỏng vấn sâu

Về những khó khăn, bất cập sinh viên gặp phải khi áp dụng mô hình này

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu với các sinh viên lớp thử nghiệm để có cái nhìn sâu sắc và đa chiều hơn về những khó khăn, bất cập họ gặp phải trong quá trình học thử nghiệm. Thứ nhất, 64% sinh viên cho biết làm bài đọc trên máy khá bất tiện

do bài đọc dài, riêng việc kéo thanh cuộn lên xuống đã tốn không ít thời gian. Hơn nữa, sinh viên thấy việc định vị thông tin rồi gạch chân các từ khóa hiệu quả và dễ dàng hơn nhiều khi làm trên giấy nên một số in bài ra rồi mới làm. Thứ hai, 40% sinh viên cảm thấy xấu hổ, ngượng ngùng vì khi giao bài tập nói, giáo viên yêu cầu các em quay clip hoặc thu âm rồi trực tiếp chữa trước lớp. Thứ ba, 16% sinh viên đã phản ánh tình trạng một số bạn không trung thực: nhờ người làm bài hộ hoặc sao chép bài các bạn khác để nộp. Với bài tập viết, nhiều sinh viên không tự mình viết mà đi chép bài trên mạng; còn với bài nói, một số sinh viên chỉ đơn giản đọc lại bài mẫu tìm được. Cuối cùng, 12% sinh viên báo cáo vì một số lý do khách quan như máy tính hỏng, kết nối mạng chập chờn, chỗ ở trọ ồn ào và lý do chủ quan như ồm, viêm họng, kỹ năng máy tính kém nên một số em không làm và nộp bài đầy đủ, đúng hạn.

2.4.3. Kết quả bài kiểm tra trước và sau thử nghiệm

Bài kiểm tra đầu vào được thực hiện vào tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm học 2020 - 2021 với mục đích xác định trình độ vào thời điểm bắt đầu học phần IELTS cơ bản và làm cơ sở đánh giá hiệu quả của quá trình dạy và học khi áp dụng mô hình mới.

Sau khi áp dụng thử nghiệm mô hình học tập kết hợp trên nền tảng Google classroom cho việc dạy và học học phần IELTS cơ bản, nghiên cứu triển khai cho các khách thể nghiên cứu làm bài kiểm tra thứ hai để tìm hiểu tác động của mô hình này đối với lớp thử nghiệm và lớp không thử nghiệm.

Các bảng dưới đây thể hiện kết quả bài kiểm tra trước và sau thử nghiệm của cả hai nhóm lớp.

Kỹ năng	Điểm trung bình bài kiểm tra trước thử nghiệm	Điểm trung bình bài kiểm tra sau thử nghiệm	Điểm chênh lệch
Nghe	4,07	6,14	2,07
Nói	6,02	8,04	2,02
Đọc	6,07	6,82	0,75
Viết	3,33	6,51	3,18

Bảng 1. So sánh kết quả kiểm tra lớp thử nghiệm

Bảng 1 cho thấy sinh viên lớp thử nghiệm đã có sự tiến bộ về mặt điểm số ở tất cả các kỹ năng, nổi bật nhất là kỹ năng viết các em tăng được 3,18 điểm trung bình so với bài kiểm tra trước thử nghiệm. Kỹ năng nghe và nói ghi nhận mức tăng cao gần như nhau (2,07 và 2,02) trong khi đó kỹ năng đọc tăng ít nhất với 0,75 điểm.

Kỹ năng	Điểm trung bình bài kiểm tra trước thử nghiệm	Điểm trung bình bài kiểm tra sau thử nghiệm	Điểm chênh lệch
Nghe	3,87	5,65	1,78
Nói	5,75	7,05	1,3
Đọc	5,74	6,13	0,39
Viết	3,62	5,25	1,63

Bảng 2. So sánh kết quả kiểm tra lớp đối chứng

Qua số liệu Bảng 2 ta thấy các em sinh viên lớp đối chứng đều có sự tăng về điểm số. Tuy nhiên khác với lớp thử nghiệm, lớp đối chứng tiến bộ nhất ở kỹ năng nghe, tăng thêm trung bình 1,78 điểm. Các kỹ năng viết và nói lần lượt tăng trung bình 1,63 và 1,3 điểm, trong khi kỹ năng đọc chỉ tăng 0,39 điểm trung bình.

So sánh sự tiến bộ của hai lớp:

Bảng 1 và Bảng 2 cho thấy nhờ việc áp dụng mô hình học tập kết hợp, sinh viên lớp thử nghiệm đã có sự tiến bộ vượt bậc trong kết quả học tập cả 4 kỹ năng so với lớp đối chứng. Một điểm đáng chú ý khác là trong cả 4 kỹ năng thì sinh viên lớp thử nghiệm tiến bộ vượt trội so với sinh viên lớp đối chứng ở hai kỹ năng viết và nói; kỹ năng đọc và nghe của sinh viên lớp thử nghiệm tuy cũng tiến bộ

hơn nhưng không nhiều. Khi áp dụng mô hình học tập này, sinh viên sẽ dành nhiều thời gian ở nhà nghiên cứu lại bài giảng, tài liệu và làm bài kiểm tra theo từng đơn vị bài học. Để có thể nộp sản phẩm là bài viết hoặc thu âm bài nói thì các em đã phải tập dượt khá nhiều lần cho đến khi cảm thấy hài lòng mới nộp bài. Giáo viên sẽ gửi phản hồi chi tiết về lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp hay lỗi liên kết,... cho các em trực tiếp vào bài hoặc dành thời lượng lớn trên lớp chữa một số bài điển hình cho các em rút kinh nghiệm rồi yêu cầu các em viết lại hoặc thu âm lại. Nhờ vậy nên 2 kỹ năng này của sinh viên lớp thử nghiệm ghi nhận sự tiến bộ đáng kể so với sinh viên lớp đối chứng. Như vậy, việc triển khai mô hình học tập kết hợp đã đem lại kết quả cao hơn so với phương pháp dạy học truyền thống.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu thử nghiệm, tác giả nhận thấy mô hình học tập kết hợp đã mang lại rất nhiều lợi ích cho cả sinh viên và giảng viên.

Về phía sinh viên, các em hứng thú, chủ động tìm tòi kiến thức, phát huy khả năng sáng tạo, tự học, tích cực hơn, nắm chắc kiến thức hơn và làm bài hiệu quả hơn. Sinh viên được củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng với nội dung bám sát chương trình học ở lớp truyền thống. Với kỹ năng đọc và nghe, các em biết điểm ngay sau khi làm bài kiểm tra trực tuyến để tự đánh giá sự tiến bộ của mình. Với kỹ năng viết và nói, các em được giảng viên sửa lỗi phát âm, ý tưởng, từ vựng, ngữ pháp cũng như liên kết ý,... nên có sự tiến bộ vượt bậc. Do đó điểm kiểm tra sau thử nghiệm của các em cũng cao hơn so với sinh viên lớp đối chứng. Qua quá trình giảng dạy, quan sát cá nhân và trao đổi trực tiếp

với sinh viên, kết hợp với bảng câu hỏi điều tra và phỏng vấn sâu, tác giả nhận thấy hầu hết sinh viên cảm thấy hứng thú hơn, hài lòng hơn và mong muốn được áp dụng mô hình học tập này.

Về phía giảng viên, họ có cơ hội được chia sẻ với sinh viên thêm những tài liệu cập nhật hơn, những kinh nghiệm thi IELTS thực tế hơn và từ đó giảng viên cũng có hứng thú hơn với những giờ lên lớp và khai thác bài học một cách sáng tạo hơn. Ngoài ra, giảng viên không cần áp lực chạy giáo án, chạy chương trình. Nhờ mô hình học tập này, giảng viên quản lý lớp dễ dàng hơn, nắm được tình hình làm bài cũng như sự tiến bộ của các em. Dựa trên các lớp thực nghiệm và đối chứng giảng viên có thể đánh giá khả năng học tập của sinh viên, đồng thời rút ra kinh nghiệm và phương pháp học tập tích cực, cụ thể cho từng bài học và tiết học và từng kỹ năng. Nhìn chung, giảng viên cũng vất vả hơn, đầu tư nhiều thời gian, công sức hơn trong việc tìm tài liệu, chữa bài, xây dựng các hoạt động, tương tác với sinh viên nhiều hơn. Tuy nhiên, những ưu điểm của mô hình này vượt trội so với nhược điểm nên việc áp dụng mô hình học tập kết hợp là toàn toàn thích đáng.

Tóm lại, bằng cách kết hợp các ưu điểm của phương pháp giảng dạy truyền thống và đào tạo trực tuyến, phương pháp học tập kết hợp có thể mang đến sự thành công của sinh viên ở mức độ cao. Với phương pháp học tập kết hợp, giảng viên sẽ hướng dẫn một phần và phần còn lại sinh viên sẽ làm việc trực tuyến không có giảng viên, sinh viên chủ động hơn và làm quen với khái niệm mới dễ dàng hơn việc tiếp thu thụ động trên các lớp học truyền thống, việc học sẽ được bổ sung bởi các hoạt động trực tuyến, một số hoạt động sẽ mang tính tự định hướng và tự học, một số sẽ khuyến khích sự hợp tác. Lợi ích của phương pháp học tập bao gồm việc tiếp cận với các nội dung chất lượng tốt hơn, liên quan nhiều hơn, khớp hơn theo nhiều dạng; các giờ học trên lớp và cấu trúc chương trình

linh hoạt hơn; đáp ứng được nhu cầu học của sinh viên; sinh viên có thể tiếp cận với nhiều nguồn hướng dẫn, đánh giá và các công cụ kiểm tra giúp điều chỉnh tốc độ và cách học của họ; và tiềm lực cho giảng viên đáp ứng nhu cầu hướng dẫn và giới thiệu để đảm bảo sự tiến bộ và thành thạo cho tất cả các sinh viên, dành sự lưu tâm cho những sinh viên yếu hơn. Những lợi thế này khiến ngày càng nhiều nơi ứng dụng theo phương pháp này. Học tập kết hợp đang nổi lên như một phương pháp chiếm ưu thế trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Mai Phương, *Sử dụng phương pháp học tập tích hợp Blended learning để đào tạo tiếng Anh theo định hướng TOEIC cho sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội*, Tạp chí Khoa học Kiến trúc - Xây dựng, số 31-2018, tr. 68-70.
- [2] Nguyễn Đắc Tâm, *Blended Learning, mô hình giảng dạy sang tạo được ứng dụng thành công trong việc giảng dạy môn Ngữ âm (Phonetics) tại trường Đại học Văn Lang*, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang, số 05/2017, tr. 39-44.
- [3] Alammary, A., J. Sheard, and A. Carbone, *Blended Learning in higher education: Three different design approaches*, Australasian Journal of Educational Technology, Vol. 30 No. 4, 2014.
- [4] Alvarez, S., *Blended learning solutions*, in B. Hoffman (Ed.), *Encyclopedia of Educational Technology*, 2005.
- [5] Ginaya, G., *The Effects of Blended Learning to Students' Speaking Ability: A Study of Utilizing Technology to Strengthen the Conventional Instruction*, International Journal of Linguistics, Literature and Culture, 2018.
- [6] Horn, Michael B. and Heather Staker, *Blended: Using Disruptive Innovation to Improve Schools*, Jossey-Bass, San Francisco, 2014.
- [7] Hubackova, S., et al, *Blended Learning in a foreign language teaching*, Procedia - Social and Behavioral Sciences, Vol. 28, pp. 281-285, 2011.
- [8] Lesiak-Bielawska, Elżbieta Danuta, *The impact of Blended Learning on Teaching English for vocational purposes*, Glottodidactica - An International Journal of Applied Linguistics, Vol. 39(1), pp. 47-56, 2012.
- [9] Tinio, Victoria L., *ICT in Education*, E-ASEAN Task Force, New York, 2003.